TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN
Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy

Bà Võ Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa Ông Vũ Xuân Đại- chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 780/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14/3/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L- sinh năm 1977

Nơi thường trú: SN X, tổ Y, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

2.Bị đơn: Anh Phan Văn T (tên khác Phan Xuân T), sinh năm 1975

Nơi thường trú: SN X, tổ Y, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

3. Người làm chứng:

3.1 Anh Phan Trí K, sinh năm 2002 (có mặt)

3.2 Bà Lê Thị C (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng nơi thường trú: tổ Y, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Chị và anh Phan Văn T được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, được gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, TPTN vào năm 2002. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và làm việc tại tỉnh Bắc Kạn, quá trình sinh sống hạnh phúc đến cuối năm 2009 thì việc làm ăn của anh T không thuận lợi và anh T không tập trung làm ăn gia đình lâm vào hoàn cảnh khó

khăn dẫn đến kinh doanh phá sản vào năm 2013. Do khó khăn nên vợ chồng phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L sinh sống tại tổ X, phường Q, TPTN và được bố mẹ đẻ chị L xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 cho ở nhờ. Sau khi về Thái Nguyên thì anh T không cùng chị chăm lo cuộc sống, nuôi các con, anh T luôn gây áp lực về tinh thần, vợ chồng thường xuyên cãi vã và xảy ra mâu thuẫn, thậm chí anh T còn dùng vũ lực đánh chị, nên chị phải nhờ cơ quan công an giải quyết. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ anh T đi làm cũng như phụ giúp chị để chăm sóc con cái, tuy nhiên anh T không chia sẻ và phụ giúp chị bất cứ việc gì, ở nhà gây áp lực cho con cái khiến việc học tập của các con cũng ảnh hưởng, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: chị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Phan Trí K, sinh ngày 10/11/2002 (hiện nay đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết và con thứ 2 là Phan Gia H, sinh ngày 22/12/2009 hiện nay đang sinh sống cùng chị, cháu H có nguyện vọng ở với chị nên khi giải quyết ly hôn chị đề nghị là người nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung

Về công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2021 anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022 anh T xác định vợ chồng tự nguyện kết hôn, vợ chồng mâu thuẫn trong việc làm ăn, cuộc sống không cùng chí hướng và không nói chuyện khoảng 06 tháng nay, xác định vợ chồng tự hòa giải đoàn tụ nuôi dậy con cái nên không đến Tòa án để làm việc. Về con chung xác định vợ chồng có 02 con chung, trong trường hợp chị L kiên quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung là Phan Trí K, anh không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Phan Gia H, sinh ngày 22/12/2009 trình bày quá trình chung sống biết bố mẹ có mâu thuẫn, nguyện vọng không đề nghị bố mẹ hòa giải và muốn sống cùng với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 21/01/2022 bà Lê Thị C tổ trưởng tổ dân phố X, phường Q, TPTN xác định: khoảng năm 2013 anh T, chị L làm ăn thua lỗ về ở nhà ông bà ngoại, khoảng 2-3 năm trở lại vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, có xảy ra đánh nhau, có báo chính quyền địa phương.

Tại bản tự khai của cháu Phan Trí K, sinh năm 2002, con trai của chị L, anh T xác định bố mẹ xảy ra nhiều mâu thuẫn, bản thân cháu phải chịu sự mâu thuẫn, cãi vã của bố mẹ nhiều lần, bố đã hơn 07 năm không làm việc gì, không đóng góp được gì cho con cái, thậm chí trong nhà có đồ đạc đáng giá thì bố đều mang bán, mẹ là người vừa kiếm tiền nuôi gia đình vừa chịu khổ sở từ bố.

Tại phiên tòa chị L giữ nguyên quan điểm khởi kiện xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, anh T không làm ăn thường xuyên gây áp lực tinh thần làm ảnh hưởng đến đời sống của chị và các con, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn. Anh Phan Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét giám định tinh thần sức khỏe cho chị L và cháu Trí K vì bản thân hai người không bình thường, sinh hoạt bất bình thường, giữa anh và chị L không có mâu thuẫn, anh không đi làm từ giữa năm 2021 đến nay, trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh nhất trí để chị L là người nuôi cháu Phan Gia H. Cháu K giữ nguyên quan điểm tại bản tự khai, xác định trong quá trình sinh sống tại gia đình do diện tích nhà nhỏ nên cả nhà sinh hoạt chung tại một gian nhà, tuy nhiên bố thường xuyên gây áp lực về tinh thần cho cả gia đình, thậm chí tết Nguyên Đán 2022 bố T còn đánh mẹ, bản thân cháu thấy mẹ sống quá khổ nên đã đề nghị mẹ xem xét quan hệ hôn nhân của bố mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 28, Điều 143, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH ngày 30/12/2016. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị L, về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị L ly hôn với anh Phan Văn T; Về con chung: Cháu Phan Trí K đã trưởng thành nên không xem xét. Giao chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Gia H sinh năm 2009, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Về án phí chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Bị đơn anh Phan Văn T, có nơi thường trú: SN X, tổ Y, phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T tuy nhiên anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

1.2 Về tên đệm của anh T xác định: Tại phiên tòa anh T khai có tên khai sinh là Phan Văn T tuy nhiên sau khi kết hôn anh có đi làm lại chứng minh nhân dân do bị nhầm lẫn nên có viết là Phan Xuân T do đó Hội đồng xét xử xét xử đối với bị đơn là Phan Văn T (tên khác là Phan Xuân T) theo quy định pháp luật.

1.3 Về yêu cầu giám định sức khỏe đối với chị L và cháu Phan Trí K của anh Phan Văn T, tuy nhiên anh T không đưa ra được tài liệu, căn cứ chứng minh

cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Đỗ Thị L và anh Phan Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, TPTN, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thấy giữa chị L và anh T trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T kinh doanh thua lỗ, không tu chí làm ăn, thậm chí sử dụng bạo lực đối với chị L, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống và gia đình, giữa chị L và anh T có khoảng thời gian sống ly thân, do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của chị Lvà anh T mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, cần chấp yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L, anh T có 02 con chung, con thứ nhất là Phan Trí K, sinh ngày 10/11/2002 hiện nay đã trưởng thành, đủ điều kiện về sức khỏe Tòa án không giải quyết, con thứ 2 là Phan Gia H sinh ngày 22/12/2009 chị L đề nghị được nuôi con, anh T nhất trí để chị Lnuôi con đồng thời tại bản tự khai cháu H có nguyện vọng được ở cùng với mẹ do đó Hội đồng xét xử giao cháu Phan Gia H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Anh Phan Văn T được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Đỗ Thị L và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L xác định về điều kiện kinh tế chị đủ đảm bảo để nuôi dậy con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**.**

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Phan Văn T (tức Phan Xuân T)

2. Về con chung: Giao con chung Phan Gia H sinh ngày 22/12/2009 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

2.2. Anh Phan Văn T (Phan Xuân T) được quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Đỗ Thị L và thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phan Văn T (Phan Xuân T) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T đến khi chị L có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000779 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6.Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn T vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND P. Quang Trung, TP Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.